

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ
DU LỊCH TUẦN ĐẠT**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH TUẦN ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TUAN DAT TRAVEL AND TRADING CONSTRUCTION REAL ESTATE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110142864

3. Ngày thành lập: 07/10/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 17, mặt đường Đê, thôn Ngự Câu , Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0901628289

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Nhóm này gồm: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530

8.	Bán mô tô, xe máy	4541
9.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
11.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết : Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
12.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ các loại nhà nước cấm)	4620
13.	Bán buôn đồ uống	4633
14.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết : Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
18.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20.	Trồng cây ăn quả	0121
21.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
22.	Trồng cây lâu năm khác	0129
23.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 28 Luật thương mại 2005)	8299
25.	Giáo dục nhà trẻ	8511
26.	Giáo dục mẫu giáo	8512
27.	Đào tạo sơ cấp	8531
28.	Đào tạo trung cấp	8532

29.	Đào tạo cao đẳng	8533
30.	Đào tạo đại học	8541
31.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
32.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
33.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
34.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	8790
35.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
36.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
37.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
38.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
39.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
40.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
41.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
42.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
43.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
44.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
45.	Lập trình máy vi tính	6201
46.	Hoạt động trung gian tiền tệ khác	6419
47.	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)	6499
48.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
49.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản Khoản 1 Điều 3 Luật kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
50.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: -Hoạt động của các đại lý kinh doanh bất động sản và môi giới -Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng -Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng -Sàn giao dịch bất động sản	6820

51.	Hoạt động pháp luật Chi tiết : Hướng dẫn chung và tư vấn, chuẩn bị các tài liệu pháp lý Hoạt động đại diện, tư vấn pháp luật	6910
52.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. (Điểm a,b,c,d,đ, e,g,h Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021)	7110
53.	Quảng cáo	7310
54.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
55.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Nhóm này gồm: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
56.	Cho thuê xe có động cơ	7710
57.	Bán buôn tổng hợp	4690
58.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
59.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
60.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
61.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
62.	Sản xuất giày, dép	1520
63.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
64.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
65.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
66.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
67.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791

68.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: + Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; + Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; + Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. (Điều 4, Điều 7, Điều 8, của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020)	4932
69.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 –NĐ số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 về điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4933
70.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Nhóm này gồm: Hoạt động lưu giữ, kho bãi đối với các loại hàng hóa trong hầm chứa, bể chứa, kho chứa hàng hóa thông thường, kho đông lạnh,..	5210
71.	Bốc xếp hàng hóa	5224
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay - Kinh doanh dịch vụ logistic (Điều 5 Nghị định 140/2007/NĐ – CP của Chính phủ ngày 05/09/2007)	5229
73.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết : Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
74.	Cơ sở lưu trú khác	5590
75.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
76.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
77.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
78.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
79.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
80.	Cung ứng lao động tạm thời	7820

81.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
82.	Đại lý du lịch	7911
83.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Điều 32 Luật du lịch số 09/2017/QH14) - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (Điều 33 Luật du lịch số 09/2017/QH14)	7912
84.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
85.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
86.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
87.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
88.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
89.	Xây dựng nhà để ở	4101
90.	Xây dựng nhà không để ở	4102
91.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
92.	Xây dựng công trình điện	4221
93.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
94.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
95.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
96.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
97.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
98.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
99.	Phá dỡ (không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
100.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn, nổ mìn và hoạt động khác tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
101.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
102.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
103.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
104.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
105.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HÀ	Thôn Ngự Câu, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	001159032800	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		
2	NGUYỄN VIỆT ĐẠT	Thôn Ngự Câu, , Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.600.000	16.000.000.000	80,000	001082028238	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.600.000	16.000.000.000	80,000		

3	NGUYỄN VIẾT THƯỜNG	Thôn Ngự Câu, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	0010560267 40
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VIỆT ĐẠT

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 16/02/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001082028238

Ngày cấp: 24/04/2022

Nơi cấp: Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Ngự Câu, , Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Ngự Câu, , Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội